Note:

Trong CSS, thuộc tính "display: flex" được sử dụng để thiết lập một phần tử HTML hiển thị theo mô hình Flexbox. Mô hình Flexbox cho phép bạn tạo bố cục linh hoạt và căn chỉnh các phần tử bên trong một container.

Có một số thuộc tính quan trọng trong mô hình Flexbox mà bạn có thể sử dụng với "display: flex":

1. flex-direction: Định nghĩa hướng sắp xếp của các phần tử con. Ví dụ: "row" (theo hàng ngang), "column" (theo hàng dọc).

2. justify-content: Xác định cách sắp xếp các phần tử con theo hướng chính của container. Ví dụ: "flex-start" (căn chỉnh từ trái sang), "center" (căn chỉnh ở giữa), "flex-end" (căn chỉnh từ phải sang).

3. align-items: Điều chỉnh ở hướng dọc, xác định cách căn chỉnh các phần tử con trong container. Ví dụ: "flex-start" (căn chỉnh từ trên xuống), "center" (căn giữa theo chiều dọc), "flex-end" (căn chỉnh từ dưới lên).

4. flex-wrap: Xác định xem các phần tử con có nên tự động xuống dòng khi không vừa trong container hay không. Ví dụ: "nowrap" (không xuống dòng), "wrap" (xuống dòng).

1. align-content: Điều chỉnh ở hướng dọc khi có nhiều hàng, xác định cách căn chỉnh hàng theo chiều dọc. Ví dụ: "flex-start" (căn chỉnh từ trên xuống), "center" (căn giữa theo chiều dọc), "flex-end" (căn chỉnh từ dưới lên).

File main.js

- Dòng đầu tiên định nghĩa biến $nav để lưu trữ phần tử có lớp "nav" trên trang web.

- Dòng thứ hai định nghĩa biến $togglecollapse để lưu trữ phần tử có lớp "toggle-collapse" trên trang web.

- Dòng thứ ba bắt đầu sự kiện "click" trên phần tử $togglecollapse.

- Dòng thứ tư chứa hàm "toggleclass" thực hiện đảo lớp "collapes" trên phần tử $nav khi sự kiện "click" được kích hoạt.

Thẻ `<select>` trong HTML được sử dụng để tạo ra một danh sách thả xuống (dropdown list) cho phép người dùng chọn một giá trị từ danh sách đó. Khi người dùng chọn một giá trị, giá trị được hiển thị trên giao diện người dùng.